TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/8/2022
Về việc:"Ly hôn,
tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp
Các hội thẩm nhân dân:
1, Bà Đào Thị Hiền
Nghề Nghiệp: Phó chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ huyện Triệu Sơn
2, Ông Lê Hữu Thủy
Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí, cư trú tại thị trấn Triệu Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thụ lý số 184/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXX- ST ngày 15/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38 ngày 27/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1982
Đều cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa,

Nguyên đơn chị Trần Thị T vắng mặt, có đơn xin xử án vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai. Nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2013 tại

Ủy ban nhân dân xã Thọ Vực, huyện Triêu Sơn, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phú đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V thường xuyên uống rượu say chửi mắng, ngược đãi vợ con, chị động viên góp ý anh V không nghe mà còn đánh đuổi chị, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình đoàn thể địa phương khuyên giải nhiều lần nhưng anh V vẫn chứng nào tật ấy, còn có lời lẽ đe dọa cả bố mẹ đẻ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, mặc dù chị T đã cố gắng động viên khuyên nhủ anh V cai rượu, tu chí làm ăn nhưng anh V không nghe mà còn chửi mắng xúc phạm chị và các con, nay chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm thương yêu sản sẻ, giúp đỡ lần nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 1 con chung cháu Nguyễn Trần Minh Đ, sinh ngày 18/6/2014, từ khi vợ chồng ly thân cháu Đ ở với chị và bà nội , mặc dù ở cùng thôn nhưng anh V không hề quan tâm thăm hỏi động viên con lần nào mà còn thường xuyên chửi mắng, đe dọa cháu, nay vợ chồng ly hôn chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại anh V không có việc làm, thu nhập ổn định, bản thân chị làm nghề hàng mã tại nhà thu nhập bình quân mỗi tháng 4 triệu đồng, có nơi ăn ở ổn định, bố mẹ chị cùng thôn còn trẻ khỏe, có điều kiện giúp chị nuôi con.

Về tài sản và nợ: Chị T trình bày vợ chồng tự giải quyết, chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn V: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V nhưng anh V không có ý kiến gì, cũng không đến Tòa án làm việc nên tòa án không ghi nhận được ý kiến anh V, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương nơi vợ chồng và con chưa thành niên đang cư trú, sinh sống đẻ xác minh và thông báo cho anh V đến làm việc, anh V không đến làm việc.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát:

*> Việc việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng đủ trình tư thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không hợp tác làm việc giải quyết vụ án kéo dài.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị T xử cho chị T được ly hôn anh V

Về con chung: Căn cứ điều kiện thực tế gia đình của mỗi bên, để ổn định việc học tập, sinh hoạt của cháu Đ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, anh V được quyền đi lai thăm nom hai cháu, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con. Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết ly hôn, nuôi con chung với và anh Nguyễn Văn V, các đương sự đều đang cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý, thông báo phiên họp và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa, cho anh V, mỗi lần tống đạt cán bộ Tòa án đều giải thích pháp luật để anh V biết thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nhưng V không đến tòa làm việc cũng không có ý kiến gì nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V, tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2013 tai Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thí phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V thường xuyên uống rượu say đánh chửi, ngược đãi chị T, chị động viên góp ý anh V không nghe mà còn chửi mắng, đánh đập chị và con, mâu thuẫn

vợ chồng đã được hai bên gia đình, đoàn thể địa phương khuyên giải nhiều lần nhưng anh V vẫn chứng nào tật ấy, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, nay chị Tân xét thấy vợ chồng không còn tình cảm cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án báo hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng anh V không đến làm việc cũng không có ý kiến gì, ngày 28/6/2022 Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương nơi vợ chồng và các con đang sinh sống để xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, anh V có mặt tại địa phương nhưng không tham gia, thể hiện việc anh V đã bỏ mặc tình cảm vợ chồng, quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T vẫn thiết tha xin ly hôn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn anh V là có căn cứ phù hợp tình trạng thực tế hôn nhân của vợ chồng là vợ chồng sống cùng xã cùng thôn thôn nhưng đã ly thân từ năm 2021 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa, phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho cho chị T được ly hôn anh V.

[3] Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có một cong chung Nguyễn Trần Minh Đ, sinh ngày 18/6/2014, từ khi vợ chồng ly thân cháu Đ ở với chị và bà nội mặc dù ở cùng thôn nhưng anh V không hề quan tâm thăm hỏi động viên con lần nào mà còn thường xuyên chửi mắng, đe dọa cháu, nay vợ chồng ly hôn chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, bản thân chị làm nghề vàng mã tại nhà thu nhập bình quân bốn triệu đồng 1 tháng có nơi ăn ở ổn định.

Yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con của chị T là phù hợp với thực tế là từ khi ly thân đến nay cháu Đ ở với chị T và bà nội tại nhà riêng của chị T, mặc dù ở cùng thôn nhưng anh V không quan tâm hỏi han chăm sóc con lần nào, phù hợp với nguyên vọng của cháu Đ, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án ngày 28/6/2022, phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Đ, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh V được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 51,56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn V

Về con chung: Giao chị Trần Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng cháu Nguyễn Trần Minh Đ, sinh ngày 18/6/2014, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh V được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở nhưng nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 6613 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, chị Tân đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đượct hực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Thọ Vực-Triệu Sơn;
- Chi cục THADS Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TAND;
- Lưu hồ sơ VA, VP, Tổ HCTP.

Lê Đình Hợp